

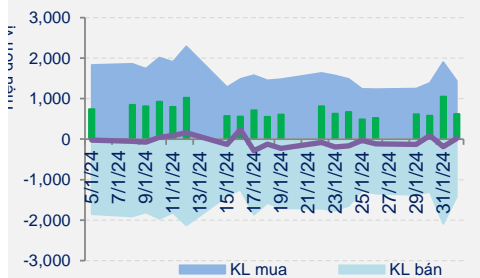
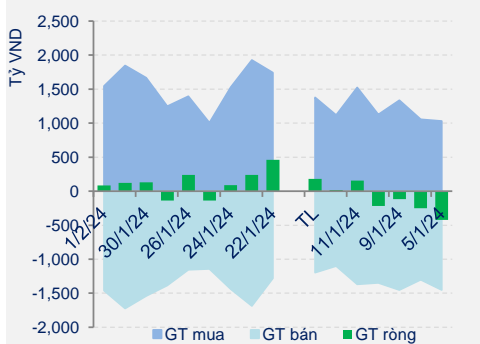
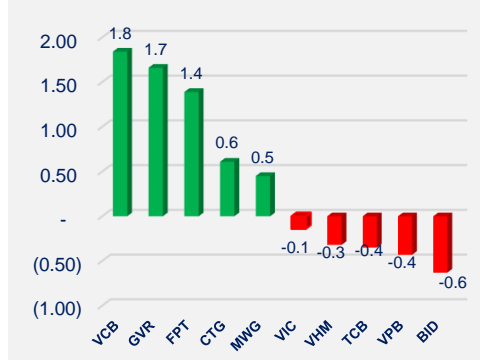
# MARKET LENS

1/2/2024

## DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG

Thông kê thị trường	HOSE	HNX
Index	1,173.02	230.57
% Thay đổi	↑ 0.75%	↑ 0.61%
KLGD (CP)	623,154,136	54,094,253
GTGD (tỷ đồng)	15,244.09	1,176.53
Tổng cung (CP)	1,421,951,509	114,918,800
Tổng cầu (CP)	1,441,675,938	92,638,300

Giao dịch NĐTNN	HOSE	HNX
KL bán (CP)	46,104,634	1,123,170
KL mua (CP)	40,266,137	1,494,188
GT mua (tỷ đồng)	1,545.11	48.35
GT bán (tỷ đồng)	1,462.14	33.85
GT ròng (tỷ đồng)	82.96	14.51

**Tương quan cung cầu** HOSE

**Giá trị Giao dịch NĐTNN** HOSE

**Các cổ phiếu có ảnh hưởng nhất đến VN-INDEX**


Sau phiên giao dịch chịu áp lực bán mạnh bất ngờ phần lớn đến từ nhóm cổ phiếu ngân hàng với thanh khoản đột biến. VN-INDEX đã phục hồi tốt trở lại ở gần vùng giá hỗ trợ trung bình MA200 tuần. Kết phiên VN-INDEX tăng 8,71 điểm (+0,75%) lên mức 1.173,02 điểm. HNX-INDEX tăng 1,76 điểm (+0,77%) lên mức 230,57 điểm, HNX-INDEX lấy lại điểm số giảm phiên hôm qua, thể hiện thị trường vẫn khá tích cực. Độ rộng trên 02 sàn niêm yết chuyển sang tích cực với 350 mã tăng giá (15 mã tăng trần), 47 mã giảm giá (09 mã giảm sàn) và 179 mã giữ giá tham chiếu.

Thanh khoản trên hai sàn niêm yết đạt 16.414,2 tỷ đồng được giao dịch, giảm 34,7% so với phiên đột biến trước và vẫn duy trì trên mức trung bình. Thị trường phân hóa, nhiều mã/nhóm mã chịu áp lực bán mạnh phiên trước phục hồi với thanh khoản giảm, trong khi nhiều nhóm mã vẫn thu hút dòng tiền, thanh khoản đột biến. Khối ngoại tiếp tục mua ròng với giá trị 82,96 tỷ đồng, mua ròng ở nhóm thép, bán lẻ; mua ròng trên HNX với giá trị 14,51 tỷ đồng.

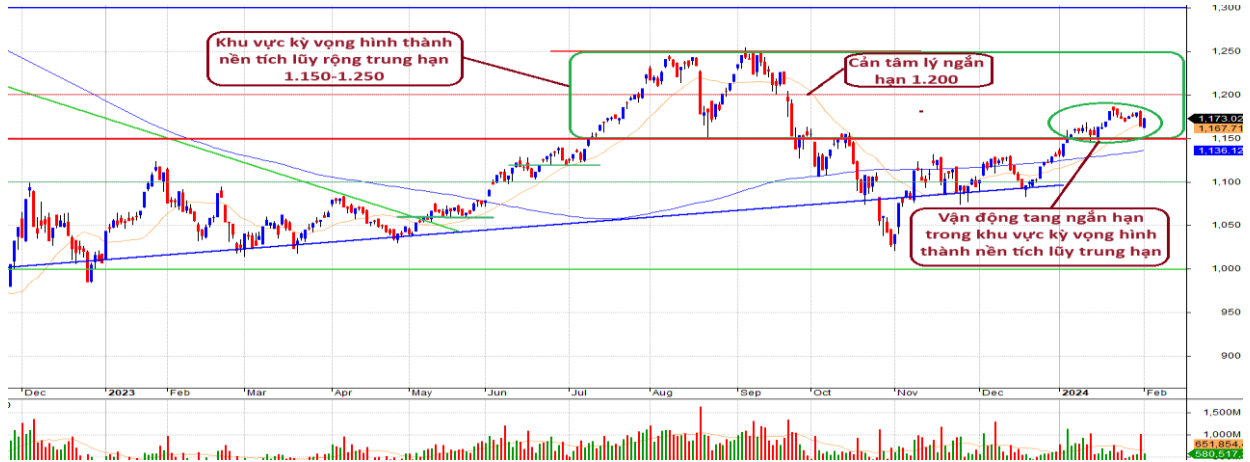
Thị trường đón nhận thông tin Ủy ban Thị trường mở Liên bang (FOMC) đã nhất trí giữ nguyên lãi suất (5,25% - 5,5%) lần thứ tư liên tiếp, qua đó phát đi tín hiệu đã hoàn tất việc tăng lãi suất. Tuy vậy FED cũng tuyên bố rõ ràng rằng họ chưa sẵn sàng bắt đầu cắt giảm lãi suất mà đang chờ xem xét dữ liệu bổ sung để xác định xu hướng và việc cắt giảm lãi suất vào tháng 3 là “khó xảy ra”; Chỉ số Nhà Quản trị Mua hàng PMI ngành Sản xuất Việt Nam của S&P Global tháng 1/2024 đạt 50,3 điểm so với 48,9 điểm của tháng 12 và lần đầu tiên sau 4 tháng liên tiếp quay trở lại trên ngưỡng 50 điểm.

Nhóm mã bất động sản khu công nghiệp sau khi chịu áp lực bán ngắn hạn trong vùng quá mua phiên hôm qua, đã có diễn biến tăng giá vượt trội trở lại, rất nhiều mã đột biến tăng giá cùng với thanh khoản và là nhóm cổ phiếu nổi bật nhất thị trường phiên hôm nay, hầu hết vượt đỉnh cũ như GVR (+6,92%), SZC (+6,92%), DTD (+6,72%), IDC (+5,66%), PHR (+5,47%)....

Các cổ phiếu bất động sản cũng có diễn biến phục hồi tốt, thanh khoản gia tăng trên mức trung bình sau khi chịu áp lực điều chỉnh, thanh khoản giảm phiên trước, nổi bật như PXL (+15,12%), IJC (+3,68%), TCH (+3,41%), SGR (+2,44%)...ngoài các mã giảm điểm HD6 (-2,67%), NBB (-1,67%), KDH (-1,29%)...

Nhóm cổ phiếu logistic, cảng biển VSC (+5,85%), DXP (+3,94%), GMD (+1,32%).... Công nghệ với ELC(+6,91%), FPT (+4,39%), CMG (+2,51%)... Nhựa AAA (+6,93%), BMP (+3,78%)... Bán lẻ với FRT (+3,14%), MWG (+2,67%) và nhiều cổ phiếu khác cũng có diễn biến vượt trội so với thị trường chung. Trong khi đó nhóm cổ phiếu ngân hàng giảm thể hiện áp lực bán giảm như VPB (-1,29%), TCB (-1,16%), BID (-0,94%)... ngoài các mã phục hồi VCB (+1,47%), CTG (+1,42%), LPB (+1,42%)....

Trên thị trường phái sinh, kỳ hạn VN30F2402 tăng 6,2 điểm (0,53%) chênh lệch dương thu hẹp còn 3,85 điểm so với VN30. Khối lượng giao dịch giảm 9,39% so với phiên trước, dưới mức trung bình. VN30F2402 đang có tín hiệu chuyển sang giai đoạn tích lũy với vùng kháng cự gần nhất 1.175 -1.180 điểm. Các kỳ hạn VN30F2403, VN30F2406, VN30F2409 chênh lệch từ 5,65 điểm đến 3,05 điểm so với VN30. Mức chênh lệch gia tăng dương, và cả 04 kỳ hạn chênh lệch dương, cho thấy các trader đang kỳ vọng VN30 sẽ tiếp tục phục hồi sau áp lực điều chỉnh mạnh.

**NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG**


Thị trường hồi phục ngay sau phiên bất ngờ giảm mạnh cho thấy động lực tăng ngắn hạn vẫn tích cực, chốt phiên Vn-Index tăng +8,71 điểm (+0,75%) và đóng cửa ở 1.173,02 điểm.

Xét dưới góc nhìn ngắn hạn, thị trường trong nhịp tăng đầu tiên để vận động trong kênh tích lũy rộng. Vn-Index sau khi tiệm cận tâm lý ngắn hạn 1.200 điểm đã điều chỉnh trở lại và hiện đang test lại ngưỡng hỗ trợ là vùng điểm số của kênh tích lũy nhỏ. Phiên hồi phục hôm nay giảm thiểu rủi ro VnIndex sẽ còn điều chỉnh sâu hơn để test hỗ trợ 1.150 điểm, chúng tôi duy trì quan điểm sau đợt kiểm định lại này, Vn-Index sẽ tiếp tục hướng tới vùng tâm lý 1.200 điểm.

Về trung hạn VnIndex đang vận động trong khu vực cân bằng để hình thành nền tích lũy mới và chúng tôi kỳ vọng thị trường sẽ hình thành nền tích lũy trong biên độ 1.150 điểm - 1.250 điểm.

FED trong phiên họp chính sách vừa qua tiếp tục duy trì mặt bằng lãi suất ở mức cao, phù hợp với những đánh giá trước đó cho rằng khả năng hạ lãi suất sẽ chỉ diễn ra từ nửa cuối năm 2024. Chỉ số PMI sản xuất của Việt Nam tháng 1/2024 cho thấy tín hiệu lạc quan khi tổng số lượng đơn đặt hàng mới lần đầu tiên trong ba tháng tăng khi có những dấu hiệu cho thấy nhu cầu hồi phục ở cả thị trường trong nước và thị trường xuất khẩu (số lượng đơn đặt hàng xuất khẩu mới cũng tăng lần đầu tiên kể từ tháng 10). Nhờ vậy, các công ty đã tăng sản lượng, từ đó kết thúc thời kỳ giảm sản lượng kéo dài bốn tháng.

Thị trường trường hồi phục ngay sau phiên bất ngờ giảm mạnh, nhà đầu tư ngắn hạn đã mua theo khuyến nghị của chúng tôi tiếp tục nắm giữ danh mục, hạn chế mua đuổi giá cao. Nhà đầu tư trung, dài hạn, thị trường tiếp tục giải ngân nhưng với quan điểm mua tích lũy dần vì thời điểm hình thành uptrend mới sẽ còn khá dài.

Quý nhà đầu tư có thể tham khảo các mã cổ phiếu trong danh mục khuyến nghị đính kèm để có lựa chọn phù hợp!



## MARKET LENS

Phiên giao dịch ngày:

1/2/2024

## DANH SÁCH CỔ PHIẾU THEO DÕI

Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Vùng mua dự kiến (1.000 đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Thông số cơ bản			Điều kiện giải ngân
					P/E	T.trường Doanh thu	T.trường Lợi nhuận	
DPM	33.10	31-33	38-39	29	24.3	-13.3%	-90.6%	Theo dõi giải ngân
FOX	59.16	57-59	67-69	53	12.2	4.9%	15.2%	Theo dõi giải ngân
DPR	34.40	31-32	36-37	29	14.5	6.6%	61.9%	Theo dõi giải ngân
DCM	32.30	31-32	35-36	30	15.4	-20.0%	-50.7%	Theo dõi giải ngân
VCS	61.00	58-60	68-69	55	11.5	-6.0%	14.5%	Theo dõi giải ngân

## DANH SÁCH KHUYẾN NGHỊ ĐANG MỞ

Ngày mở vị thế	Mã	Giá hiện tại (1.000đ)	Giá mua (1.000đ)	Giá mục tiêu (1.000 đ)	Giá dừng lỗ (1.000đ)	Hiệu quả đầu tư (%)	Cập nhật Vị thế/trạng thái
1/11/2023	BVS	26.30	22.3	28-28.5	25	17.9%	Nắm giữ
8/11/2023	PHR	54.00	45.1	52-53	50	19.7%	Nắm giữ
20/12/2023	PVD	27.55	27.55	30-31	26.5	0.0%	Nắm giữ
27/12/2023	TNH	19.30	18.09	23-24	19	6.7%	Nắm giữ

**TIN VĨ MÔ****Giá xăng tăng gần 800 đồng mỗi lít**

Mỗi lít xăng tăng 740-760 đồng, các mặt hàng dầu (trừ mazut) cũng thêm 380-620 đồng tùy loại, từ 15h hôm nay. Theo điều hành của liên Bộ Công Thương - Tài chính hôm nay, giá xăng RON 95-III (loại phổ biến trên thị trường) tăng 760 đồng, lên mức 24.160 đồng một lít; E5 RON tăng 740 đồng, lên 22.910 đồng một lít. Tương tự, các mặt hàng dầu cũng tăng giá và có giá mới 16.080-20.990 đồng một lít, kg so với cách đây 7 ngày. Đây là lần thứ 4 từ đầu năm, giá xăng trong nước tăng giá. Kỳ điều hành hôm nay, liên Bộ tiếp tục không trích, chi sử dụng từ Quỹ bình ổn giá xăng dầu đối với xăng dầu, trừ mazut mức trích vẫn là 300 đồng một kg.

**Chủ tịch Fed: Nền kinh tế đang tốt, lãi suất đã đạt đỉnh**

Dù vậy, ông khẳng định lãi suất sẽ không giảm vào tháng 3 như kỳ vọng gần đây của thị trường tài chính... Chủ tịch Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) ngày 31/1 thể hiện quan điểm lạc quan về tình trạng của nền kinh tế Mỹ, đồng thời cho rằng lãi suất đã đạt đỉnh và có thể giảm trong những tháng sắp tới, trong bối cảnh lạm phát tiếp tục xuống thang song tăng trưởng kinh tế và tăng trưởng việc làm duy trì vững. Dù vậy, ông khẳng định lãi suất sẽ không giảm vào tháng 3 như kỳ vọng gần đây của thị trường tài chính.

**Việt Nam trúng thầu gần 238.000 tấn gạo xuất sang Indonesia**

Năm doanh nghiệp Việt trúng thầu 237.500 tấn gạo, chiếm gần một nửa lượng gạo Indonesia muốn nhập trong tháng đầu năm nay. Hồi đầu năm, Cơ quan Hậu cần quốc gia Indonesia (Bulog) cho biết nước này muốn nhập 500.000 tấn gạo trong tháng 1 để tăng dự trữ lương thực. Kết quả công bố ngày 31/1 của Bulog cho thấy 5 doanh nghiệp Việt trúng thầu gần một nửa số này, đạt 237.500 tấn gạo. Trong đó, Công ty cổ phần Tập đoàn Lộc Trời trúng nhiều nhất, với 65.000 tấn xuất sang Indonesia đợt này. Giá gạo trúng thầu mức thấp nhất của Việt Nam khoảng 648 USD một tấn, gồm chi phí vận chuyển.

**Tin vui với ngành sản xuất, PMI tháng 1 đã tăng trên ngưỡng 50 điểm**

PMI tháng 1 ngành sản xuất Việt Nam đã quay trở lại trên ngưỡng 50 điểm trong tháng đầu năm, khi tăng lên mức 50,3 điểm so với 48,9 điểm của tháng 12. Kết quả chỉ số cho thấy sức khỏe của ngành sản xuất cải thiện lần đầu tiên trong năm tháng, dù đây chỉ là mức cải thiện nhẹ. Trong báo cáo mới phát hành, S&P Global cho biết các nhà sản xuất Việt Nam ghi nhận sự tăng trưởng trở lại vào đầu năm 2024 khi những dấu hiệu ban đầu cho thấy nhu cầu cải thiện giúp số lượng đơn đặt hàng mới và sản lượng tăng trở lại.

**TIN DOANH NGHIỆP****PV OIL lỗ quý IV, dòng tiền kinh doanh âm gần 700 tỷ**

Giá bán lẻ xăng dầu biến động mạnh trong quý IV/2023 là nguyên nhân chính khiến PV OIL thua lỗ. Tổng Công ty Dầu Việt Nam - CTCP (PV OIL - Mã: OIL) đã công bố báo cáo tài chính hợp nhất quý IV/2023 với 35.794 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 45% so với cùng kỳ năm 2022. Các chi phí ăn mòn lãi gộp khiến PV OIL báo lỗ sau thuế 36 tỷ đồng và lỗ sau thuế cổ đông công ty mẹ gần 52 tỷ trong khi quý IV/2022 lãi 234 tỷ đồng. Biên lợi nhuận gộp quý IV của PV OIL còn chưa tới 1,8%. Lũy kế cả năm 2023, PV OIL ghi nhận 102.669 tỷ đồng doanh thu thuần và 577 tỷ lợi nhuận ròng; giảm lần lượt 1,5% và 11% so với 2022. EPS cả năm đạt 455 đồng.

**Coteccons phát sinh khoản nợ xấu 143 tỷ từ Saigon Glory**

Khoản nợ xấu của Saigon Glory mới xuất hiện trong báo cáo quý này của Coteccons và phải trích lập dự phòng 100%. Trong bối cảnh cạnh tranh trong ngành gay gắt và nhu cầu thấp trong lĩnh vực xây dựng dân dụng, báo cáo tài chính hợp nhất quý II niên độ 2023 - 2024 (1/7/2023 - 30/6/2024) của CTCP Xây dựng Coteccons (Mã: CTD) cho thấy doanh thu thuần đạt 5.660 tỷ đồng doanh thu thuần, giảm 9% so với cùng kỳ. Lợi nhuận gộp đạt 169 tỷ đồng, tương đương với biên lợi nhuận gộp gần 3%, có sự cải thiện so với mức gần 2,8% cùng kỳ niên độ trước. Lũy kế 6 tháng đầu niên độ, Coteccons ghi nhận 9.784 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng gần 5% và lãi ròng 136 tỷ đồng, gấp gần 8,9 lần cùng kỳ niên độ trước.

**Chủ quản nhà máy lọc dầu Dung Quất có hơn 38.000 tỷ đồng tiền nhàn rỗi**

Kinh doanh có lãi giúp Lọc hóa dầu Bình Sơn tích lũy lượng tiền nhàn rỗi lên hơn 38.000 tỷ đồng, qua đó giúp thu lãi tiền gửi ngân hàng đến 1.600 tỷ đồng trong năm vừa qua. Theo báo cáo tài chính quý IV/2023, Công ty cổ phần Lọc hóa dầu Bình Sơn (Mã: BSR) ghi nhận doanh thu tăng nhẹ lên gần mức 42.000 tỷ đồng. Lợi nhuận gộp tăng mạnh 31% đạt 2.529 tỷ đồng, tương ứng biên lãi gộp cải thiện lên mức 6%. Kết quả, công ty ghi nhận lợi nhuận sau thuế 2.269 tỷ đồng, tăng 28% so với cùng kỳ năm 2022 nhưng vẫn thấp hơn 30% so với lợi nhuận quý III liền trước.

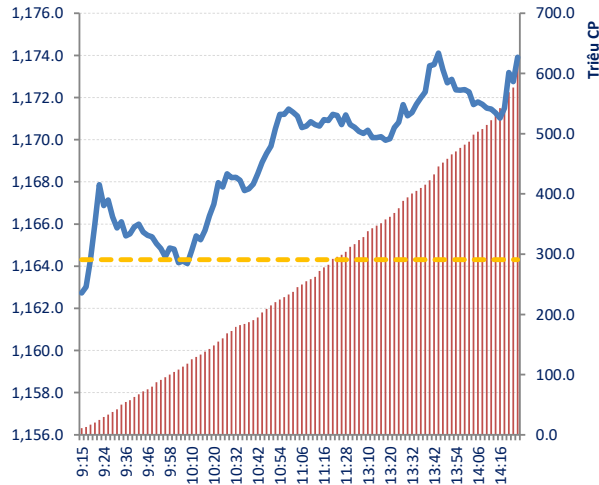
**Lãi ròng quý 4 của IDICO gấp gần 3 lần cùng kỳ**

Nhờ các hợp đồng cho thuê hạ tầng khu công nghiệp đáp ứng điều kiện ghi nhận doanh thu một lần giúp lãi ròng quý 4/2023 của IDICO đạt gần 551 tỷ đồng, gấp 2.7 lần cùng kỳ. Tổng Công ty IDICO - CTCP (HNX: IDC) vừa công bố BCTC hợp nhất quý 4/2023 với doanh thu thuần hơn 2,239 tỷ đồng, tăng 85% so với cùng kỳ. Trong khi đó, lãi ròng gần 551 tỷ đồng, gấp 2.7 lần cùng kỳ. Lũy kế cả năm 2023, IDICO ghi nhận doanh thu thuần 7,237 tỷ đồng và lãi ròng 1,393 tỷ đồng, giảm lần lượt 3% và 21% so với năm 2022.

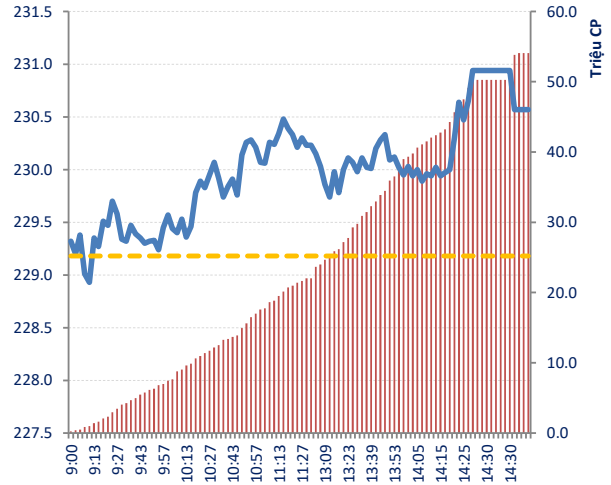


THỐNG KÊ GIAO DỊCH

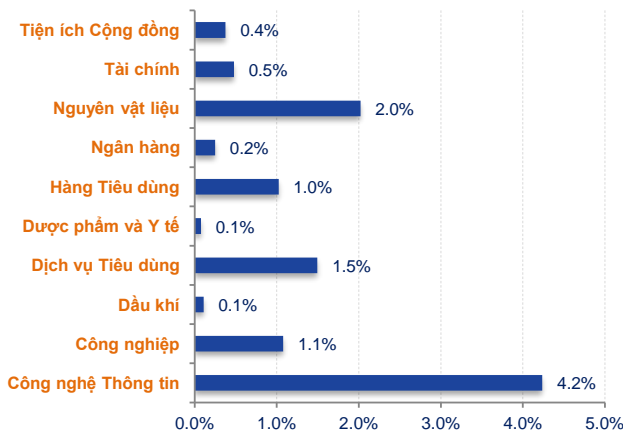
KLGD và VN-Index trong phiên



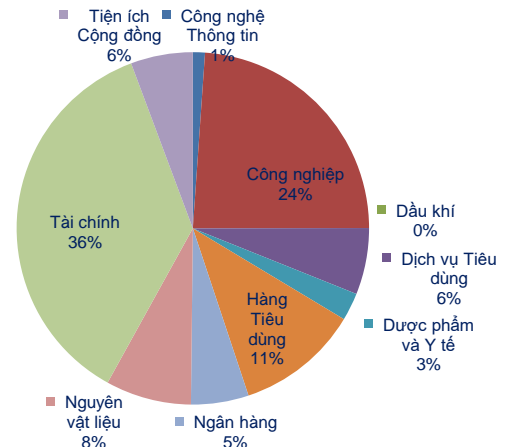
KLGD và HNX-Index trong phiên



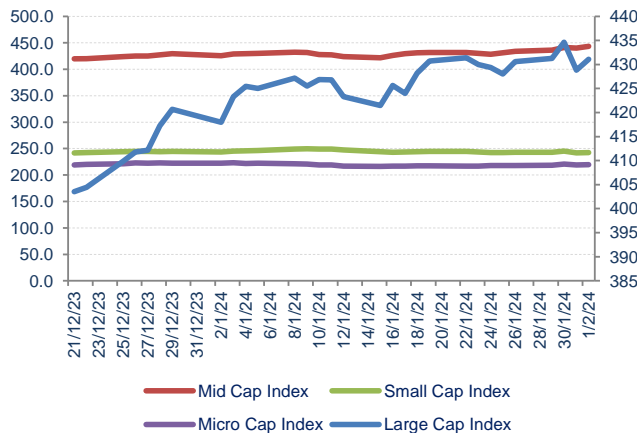
Biến động giá phân theo nhóm Ngành



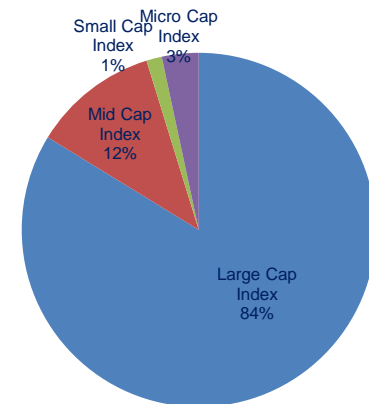
Giá trị giao dịch phân theo nhóm Ngành



Chuỗi Index theo nhóm vốn hóa



Giá trị giao dịch theo nhóm vốn hóa



Nhóm vốn hóa được phân loại bởi StoxPlus:

Large Cap: Vốn hóa trên 5000 tỷ      Small Cap: Vốn hóa từ 500 - 1000 tỷ  
 Mid Cap: Vốn hóa từ 1000 - 5000 tỷ      Micro Cap: Vốn hóa dưới 500 tỷ





## HOSE

## HNX

## Top 5 CP NĐT nước ngoài mua và bán nhiều nhất

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	PNJ	3,215,241	VRE	2,150,375
2	HPG	2,198,403	VHM	1,757,929
3	MWG	1,223,589	LPB	1,659,150
4	HHS	639,000	VPB	1,407,800
5	VSC	591,000	FUEVFVND	1,157,400

TT	Mã CK	KL mua ròng	Mã CK	KL bán ròng
1	TNG	375,500	HUT	91,970
2	IDC	331,789	PMS	67,600
3	MBG	162,900	VCS	62,899
4	DTD	31,500	BVS	60,000
5	DHT	30,200	PLC	50,000

## Top 5 CP có KLGD lớn nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
EIB	18.75	18.60	↓ -0.80%	43,494,200
SHB	11.60	11.60	→ 0.00%	33,599,374
DIG	27.10	27.40	↑ 1.11%	16,140,100
VSC	20.50	21.70	↑ 5.85%	15,691,700
TCH	13.20	13.65	↑ 3.41%	14,487,700

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	%	KLGD
SHS	18.30	18.30	→ 0.00%	8,153,697
IDC	53.00	56.00	↑ 5.66%	5,448,007
HUT	19.20	19.10	↓ -0.52%	4,285,989
CEO	21.40	21.40	→ 0.00%	3,440,645
MBG	4.70	5.10	↑ 8.51%	2,966,879

## Top 5 CP tăng giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CVT	31.60	33.80	2.20	↑ 6.96%
PAC	28.00	29.95	1.95	↑ 6.96%
VFG	50.30	53.80	3.50	↑ 6.96%
AAA	10.10	10.80	0.70	↑ 6.93%
QNP	41.80	44.70	2.90	↑ 6.94%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
BDB	11.20	12.30	1.10	↑ 9.82%
DTG	31.40	34.30	2.90	↑ 9.24%
TSB	41.20	45.00	3.80	↑ 9.22%
MBG	4.70	5.10	0.40	↑ 8.51%
HVT	64.30	69.00	4.70	↑ 7.31%

## Top 5 CP giảm giá nhiều nhất trong ngày

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
MHC	8.47	7.88	-0.59	↓ -6.97%
ST8	15.95	14.85	-1.10	↓ -6.90%
TN1	15.30	14.25	-1.05	↓ -6.86%
FDC	15.35	14.30	-1.05	↓ -6.84%
MDG	14.20	13.25	-0.95	↓ -6.69%

Mã	Giá TC (*)	Giá đóng	+/-	%
CMS	17.00	15.30	-1.70	↓ -10.00%
CMC	7.00	6.30	-0.70	↓ -10.00%
DNC	45.00	40.60	-4.40	↓ -9.78%
MCO	11.60	10.50	-1.10	↓ -9.48%
TKG	9.70	8.80	-0.90	↓ -9.28%

(\*) Giá điều chỉnh



## CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

## Top KLGD lớn nhất HOSE

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
EIB	43,494,200	10.1%	1,244	15.1	1.5
SHB	33,599,374	16.1%	2,064	5.6	0.8
DIG	16,140,100	2.2%	283	95.7	2.1
VSC	15,691,700	3.9%	910	22.5	1.2
TCH	14,487,700	4.6%	805	16.4	0.7

## Top KLGD lớn nhất HNX

Mã	KLGD	ROE	EPS	P/E	P/B
SHS	8,153,697	5.7%	688	26.6	1.4
IDC	5,448,007	22.6%	4,221	12.6	2.8
HUT	4,285,989	0.6%	82	234.5	1.5
CEO	3,440,645	3.1%	408	52.4	1.8
MBG	2,966,879	-4.4%	(471)	-	0.4

## Top Đột biến giá HOSE

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
CVT	↑ 7.0%	4.6%	1,107	28.6	1.3
PAC	↑ 7.0%	12.3%	2,479	11.3	1.4
VFG	↑ 7.0%	24.8%	7,079	7.1	1.7
AAA	↑ 6.9%	4.8%	761	13.3	0.7
QNP	↑ 6.9%	14.0%	2,779	15.0	2.0

## Top Đột biến giá HNX

Mã	+/-%	ROE	EPS	P/E	P/B
BDB	↑ 9.8%	6.8%	837	13.4	0.9
DTG	↑ 9.2%	20.7%	4,254	7.4	1.4
TSB	↑ 9.2%	5.3%	627	65.7	3.5
MBG	↑ 8.5%	-4.4%	(471)	-	0.4
HVT	↑ 7.3%	16.0%	6,181	10.4	1.7

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HOSE

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	3,215,241	21.6%	6,002	15.2	3.1
HPG	2,198,403	6.9%	1,175	23.6	1.6
MWG	1,223,589	0.7%	115	392.7	2.8
HHS	639,000	8.0%	1,081	7.1	0.6
VSC	591,000	3.9%	910	22.5	1.2

## Top KLGD NĐT nước ngoài mua ròng HNX

Mã	KL mua	ROE	EPS	P/E	P/B
TNG	375,500	13.4%	1,776	11.3	1.3
IDC	331,789	22.6%	4,221	12.6	2.8
MBG	162,900	-4.4%	(471)	-	0.4
DTD	31,500	19.5%	4,328	6.2	1.1
DHT	30,200	9.1%	1,147	22.6	2.0

## Top Vốn hóa HOSE

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
VCB	494,635	21.7%	5,910	15.0	2.9
BID	271,911	19.0%	3,781	12.6	2.2
VHM	180,706	20.0%	7,607	5.5	1.0
GAS	173,174	18.4%	5,053	14.9	2.7
CTG	169,692	17.0%	3,723	8.5	1.3

## Top Vốn hóa HNX

Mã	Vốn hóa	ROE	EPS	P/E	P/B
PVS	17,541	6.6%	1,812	20.3	1.3
IDC	17,490	22.6%	4,221	12.6	2.8
HUT	17,136	0.6%	82	234.5	1.5
SHS	14,881	5.7%	688	26.6	1.4
THD	13,590	3.0%	470	75.1	2.2

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HOSE

Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
GEX	2.62	1.6%	389	55.3	0.9
FCN	2.54	1.1%	232	60.9	0.7
VIX	2.52	11.6%	1,444	12.1	1.3
CTS	2.52	9.6%	1,261	23.5	2.2
FTS	2.43	12.7%	2,074	23.1	2.8

## Top CP có hệ số Beta cao nhất sàn HNX

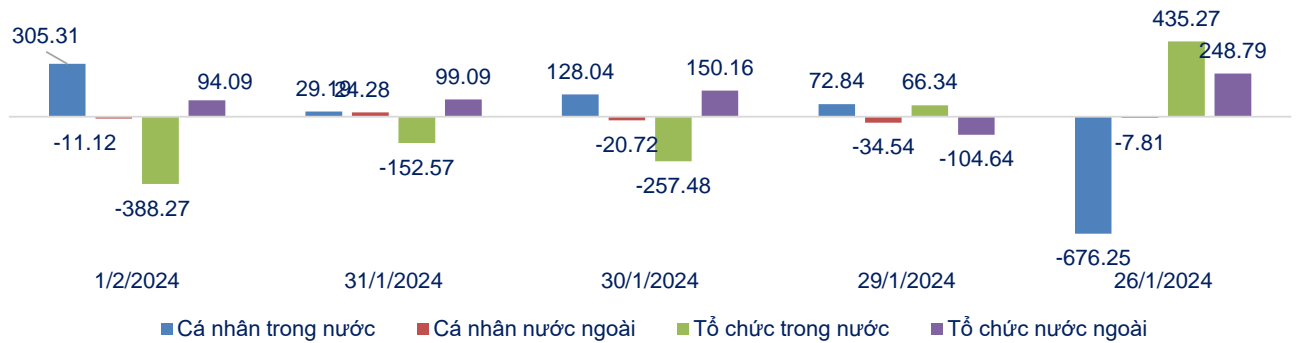
Mã	Beta	ROE	EPS	P/E	P/B
VC7	2.65	3.6%	496	27.0	1.3
SHS	2.46	5.7%	688	26.6	1.4
VIG	2.29	9.6%	685	11.1	1.0
MBS	2.18	12.3%	1,334	19.3	2.2
IPA	2.17	7.9%	1,451	10.6	0.8





THỐNG KÊ GIAO DỊCH THEO LOẠI NĐT

Giá trị ròng theo loại hình NĐT 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top Mua ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
TCB	125.90	14.7%	5,118	6.8	0.9
VHM	116.80	20.0%	7,607	5.5	1.0
MBB	60.88	23.5%	3,966	5.5	1.2
VRE	58.28	12.4%	1,940	11.6	1.3
VND	53.88	13.0%	1,657	13.2	1.6

Top Bán ròng Cá nhân trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VSC	-192.05	3.9%	910	22.5	1.2
PNJ	-105.29	21.6%	6,002	15.2	3.1
MWG	-81.85	0.7%	115	392.7	2.8
HPG	-65.49	6.9%	1,175	23.6	1.6
CTG	-47.20	17.0%	3,723	8.5	1.3

Top Mua ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
FRT	3.86	-18.3%	(2,537)	-	9.1
SAB	3.77	16.4%	3,210	17.5	2.8
VPB	3.27	8.3%	1,445	13.4	1.1
AAA	3.02	4.8%	761	13.3	0.7
VRE	2.25	12.4%	1,940	11.6	1.3

Top Bán ròng Cá nhân nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
DCM	-7.77	10.7%	2,091	15.1	1.7
HSG	-3.89	1.2%	216	105.8	1.3
DPM	-3.55	4.2%	1,361	24.1	1.1
VHC	-2.21	11.0%	4,051	15.7	1.7
SSI	-2.16	10.1%	1,531	22.5	2.2

Top Mua ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VSC	179.49	3.9%	910	22.5	1.2
CTG	30.17	17.0%	3,723	8.5	1.3
FUEVFNDD	28.10	N/A	N/A	N/A	N/A
MWG	25.32	0.7%	115	392.7	2.8
SSI	24.21	10.1%	1,531	22.5	2.2

Top Bán ròng Tổ chức trong nước

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	-209.38	21.6%	6,002	15.2	3.1
TCB	-125.90	14.7%	5,118	6.8	0.9
VND	-64.07	13.0%	1,657	13.2	1.6
MBB	-60.75	23.5%	3,966	5.5	1.2
VHM	-44.37	20.0%	7,607	5.5	1.0

Top Mua ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
PNJ	314.67	21.6%	6,002	15.2	3.1
HPG	59.68	6.9%	1,175	23.6	1.6
MWG	58.38	0.7%	115	392.7	2.8
CTG	17.15	17.0%	3,723	8.5	1.3
SSI	15.61	10.1%	1,531	22.5	2.2

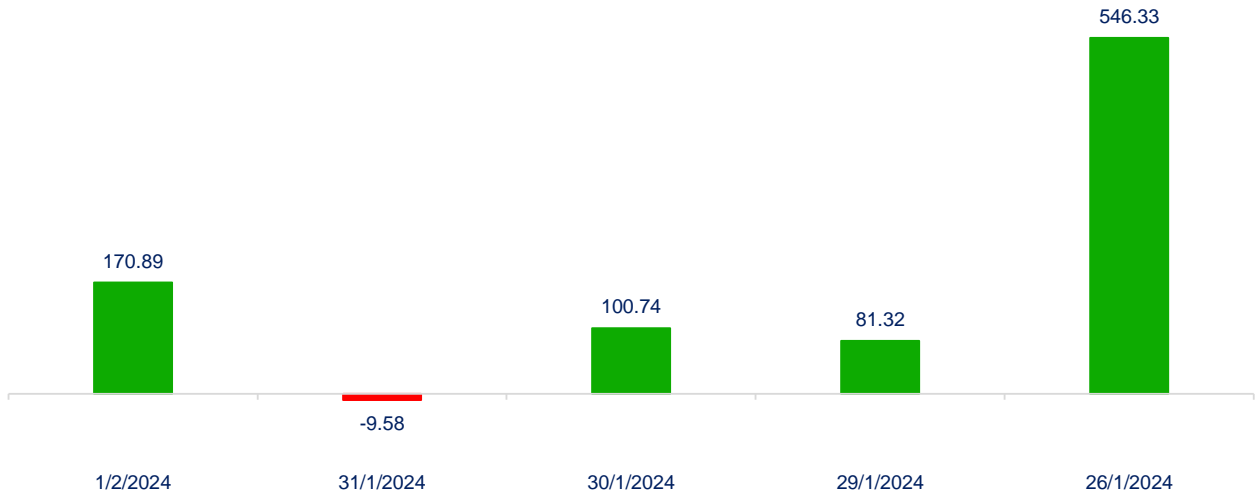
Top Bán ròng Tổ chức nước ngoài

Mã	GT (tỷ)	ROE	EPS	P/E	P/B
VHM	-71.77	20.0%	7,607	5.5	1.0
VRE	-50.72	12.4%	1,940	11.6	1.3
VIC	-47.50	1.5%	533	79.7	1.1
BID	-47.06	19.0%	3,781	12.6	2.2
FUEVFNDD	-31.40	N/A	N/A	N/A	N/A

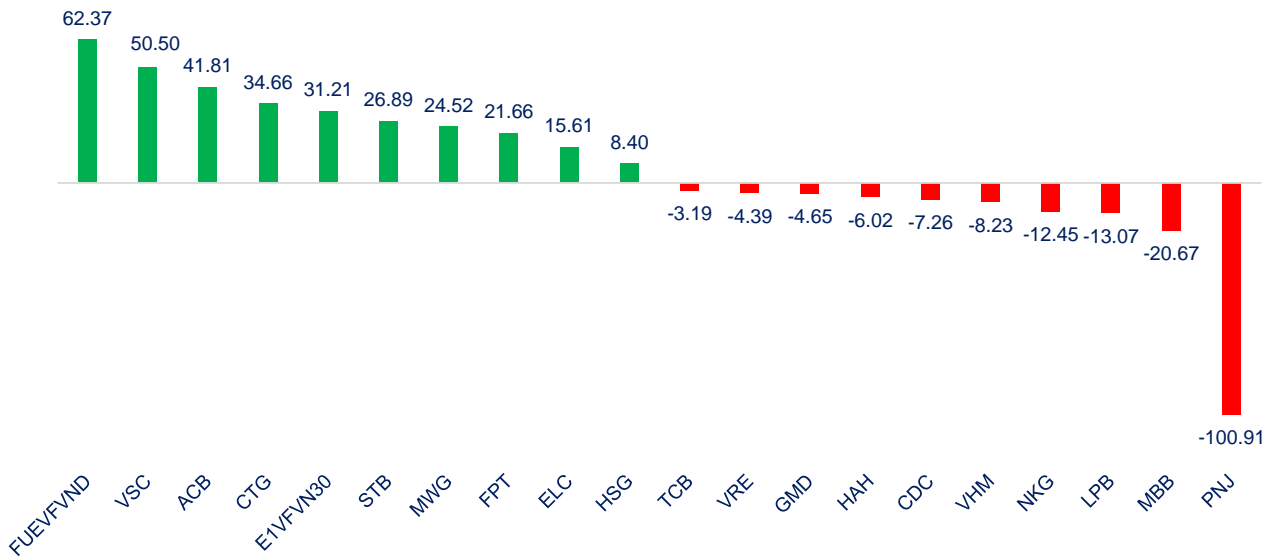


THÔNG KÊ GIAO DỊCH TỰ DOANH

Giá trị giao dịch ròng của tự doanh trong 5 phiên gần nhất (tỷ đồng)



Top cổ phiếu mua/ bán ròng của tự doanh trên HOSE (tỷ đồng)





Website: [www.shs.com.vn](http://www.shs.com.vn)

Chịu trách nhiệm nội dung:

**Phó phòng: Hồ Ngọc Việt Cường**  
[cuong.hnv2@shs.com.vn](mailto:cuong.hnv2@shs.com.vn)

**Tổ trưởng nghiệp vụ: Phan Tấn Nhật**  
[nhat.pt@shs.com.vn](mailto:nhat.pt@shs.com.vn)

**Chuyên viên: Bùi Mạnh Kiên**  
[kien.bm@shs.com.vn](mailto:kien.bm@shs.com.vn)

Tất cả những thông tin nêu trong báo cáo nghiên cứu này đã được xem xét cẩn trọng, tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội (SHS) không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo. Các quan điểm, nhận định và đánh giá trong báo cáo này là quan điểm cá nhân của các chuyên viên phân tích mà không đại diện cho quan điểm của SHS.

Báo cáo này chỉ nhằm mục tiêu cung cấp thông tin mà không hàm ý khuyến người đọc mua, bán hay nắm giữ chứng khoán. Người đọc chỉ nên sử dụng báo cáo nghiên cứu này như là một nguồn thông tin tham khảo.

SHS có thể có những hoạt động hợp tác kinh doanh với các đối tượng được đề cập đến trong báo cáo này. Người đọc cần lưu ý rằng SHS có thể có những xung đột lợi ích đối với các nhà đầu tư khi thực hiện báo cáo nghiên cứu phân tích này.

Dữ liệu tài chính được cung cấp bởi FiinGroup và Fialda

Mọi thông tin xin vui lòng liên hệ:

### Phòng Phân tích - Công ty Cổ Phần Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội

#### Trụ sở chính tại Hà Nội

Tầng 1-5, Tòa nhà Unimex Hà Nội,  
Số 41 Ngô Quyền, Hàng Bài,  
Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Tel: 84.24.38181888  
Fax: 84.24.38181688  
Email: [contact@shs.com.vn](mailto:contact@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 3, Cao ốc Sài Gòn  
Metropolitan, 235 Đồng Khởi,  
Phường Bến Nghé, Quận 1, TP  
HCM  
Tel: 84.28.39151368  
Fax: 84.28.39151369  
Email: [contact-hcm@shs.com.vn](mailto:contact-hcm@shs.com.vn)

#### Chi nhánh Đà Nẵng

Tầng 8, Tòa nhà Thành Lợi 2,  
Số 03 Lê Đình Lý, Phường Vĩnh  
Trung, Quận Thanh Khê, Thành  
phố Đà Nẵng  
Tel: 84.236.3525777  
Fax: 84.236.3525779  
Email: [contact-dn@shs.com.vn](mailto:contact-dn@shs.com.vn)